

HƯỚNG DẪN

Quản lý hoạt động Khoa học và Công nghệ ở Đại học Quốc gia Hà nội
(Ban hành kèm theo Quyết định số 1895 /QĐ-ĐHQGHN ngày 24 tháng 6 năm 2010 của
Giám đốc Đại học Quốc gia Hà nội)

Chương 1

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Đối tượng áp dụng và phạm vi điều chỉnh

1. Văn bản này áp dụng đối với các hoạt động khoa học công nghệ (KHCN) do cá nhân, đơn vị, tổ chức thuộc Đại học Quốc gia Hà Nội (ĐHQGHN) thực hiện bằng nguồn ngân sách nhà nước, hoặc bằng các nguồn kinh phí hợp pháp khác nhưng dưới danh nghĩa của ĐHQGHN.

2. Văn bản này cũng áp dụng đối với các hoạt động KHCN do cá nhân, đơn vị, tổ chức ngoài ĐHQGHN nhưng thực hiện các nhiệm vụ theo yêu cầu và bằng kinh phí của ĐHQGHN.

3. Văn bản này hướng dẫn việc đề xuất, xác định, tuyển chọn, phê duyệt, quản lý, đánh giá, nghiệm thu và sử dụng kết quả các hoạt động KHCN, nhiệm vụ môi trường trong phạm vi ĐHQGHN; Hướng dẫn việc phối hợp quản lý (trong quyền hạn và phạm vi trách nhiệm của ĐHQGHN) các nhiệm vụ KHCN cấp Nhà nước, các chương trình hợp tác về KHCN do cá nhân, đơn vị, tổ chức thuộc ĐHQGHN thực hiện.

Điều 2. Hệ thống nhiệm vụ KHCN ở ĐHQGHN

1. Nhiệm vụ KHCN cấp Nhà nước, chương trình hợp tác theo Nghị định thư, đề tài, dự án thuộc Quỹ phát triển Khoa học và Công nghệ Quốc gia, nhiệm vụ môi trường do cá nhân, đơn vị, tổ chức thuộc ĐHQGHN thực hiện; Hoạt động KHCN trong các nhiệm vụ chiến lược, các dự án lớn, các nhiệm vụ KHCN đột xuất, đặc biệt;

2. Đề tài, dự án nghiên cứu cấp ĐHQGHN (bao gồm các đề tài, dự án nhóm A,B), dự án sản xuất thử nghiệm cấp ĐHQGHN;

3. Đề tài, dự án nghiên cứu cấp cơ sở;

4. Hội nghị, hội thảo khoa học;

5. Chương trình, dự án hợp tác với các đối tác trong và ngoài nước;

6. Hoạt động nghiên cứu khoa học của sinh viên;

7. Dịch vụ khoa học;

8. Công bố khoa học, đăng ký bản quyền;

9. Sử dụng kết quả nghiên cứu, chuyển giao công nghệ, thông tin KHCN.

Điều 3. Nguyên tắc quản lý hoạt động KHCN ở ĐHQGHN

1. Huy động tối đa và sử dụng tối ưu các nguồn lực (bao gồm nguồn nhân lực, hệ thống phòng thí nghiệm, thiết bị và kinh phí) mà ĐHQGHN có thể có được nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả của hoạt động KHCN tạo ra sản phẩm hữu ích;

2. Lấy chất lượng và hiệu quả của sản phẩm đầu ra làm cơ sở quyết định thành lập nhiệm vụ, quy mô đầu tư và tiêu chí đánh giá kết quả của hoạt động KHCN;

3. Ưu tiên đầu tư cho các nhiệm vụ KHCN hướng tới sản phẩm đỉnh cao, đạt trình độ quốc tế và đáp ứng những nhu cầu cấp thiết của xã hội;

4. Ưu tiên đầu tư cho nhiệm vụ KHCN thuộc các chương trình xây dựng, phát triển ngành, chuyên ngành đạt trình độ quốc tế;

5. Kết hợp giao nhiệm vụ KHCN với bồi dưỡng, đào tạo cán bộ trẻ và xây dựng, phát triển đội ngũ cán bộ đầu đàn, xây dựng và phát triển trường phái khoa học;

6. Tích hợp chặt chẽ nghiên cứu khoa học với đào tạo, đặc biệt là đào tạo sau đại học, lấy nghiên cứu khoa học làm giải pháp quan trọng nâng cao chất lượng đào tạo;

7. Cán bộ có trình độ từ tiến sĩ (TS) trở lên, được đào tạo ở các trường đại học nước ngoài danh tiếng, có năng lực nghiên cứu hướng tới chuẩn quốc tế về công tác tại ĐHQGHN được ưu tiên giao chủ trì và thực hiện các nhiệm vụ KHCN.

Điều 4. Kinh phí, thời gian thực hiện và phân cấp quản lý

1. Kinh phí thực hiện đề tài KHCN các cấp của ĐHQGHN bao gồm nhiều nguồn khác nhau:

a) Kinh phí sự nghiệp KHCN;

b) Kinh phí nghiên cứu cơ bản;

c) Kinh phí dành cho nhiệm vụ bảo vệ môi trường;

d) Quỹ phát triển KHCN (bao gồm cả Quỹ phát triển KHCN Quốc gia và Quỹ phát triển KHCN của ĐHQGHN);

e) Kinh phí các đề án, dự án được Nhà nước đầu tư thông qua các nguồn tín dụng quốc tế;

f) Kinh phí từ các dự án hợp tác quốc tế;

g) Kinh phí hỗ trợ từ nguồn thu sự nghiệp KHCN của cơ quan chủ trì đề tài;

h) Kinh phí hỗ trợ của các cơ sở ứng dụng kết quả nghiên cứu, tài trợ của các cá nhân, tổ chức kinh tế - xã hội;

i) Kinh phí từ các nguồn thu hợp pháp khác.

2. ĐHQGHN thống nhất quản lý và điều phối việc sử dụng các nguồn kinh phí nói trên theo các quy định hiện hành của Nhà nước và ĐHQGHN nhằm mục tiêu nâng cao hiệu quả sử dụng các nguồn lực để tạo ra các sản phẩm khoa học công nghệ chất lượng cao.

3. ĐHQGHN khuyến khích các cá nhân, tập thể, tổ chức thực hiện đề tài, dự án bằng kinh phí bổ sung ngoài ngân sách Nhà nước, ngoài kinh phí do ĐHQGHN cấp.

Những đề tài, dự án được thực hiện bằng những nguồn kinh phí này nhưng dưới danh nghĩa của ĐHQGHN hoặc của đơn vị thuộc ĐHQGHN thì đơn vị chủ trì có trách nhiệm thống kê, báo cáo ĐHQGHN.

4. Căn cứ vào chất lượng, hiệu quả của sản phẩm đầu ra được dự kiến trong bản thuyết minh đề cương, hội đồng / tổ chuyên gia tư vấn thẩm định đề xuất mức kinh phí cụ thể cho từng nhiệm vụ KHCN để Giám đốc ĐHQGHN xem xét, phê duyệt.

5. Đề tài, dự án của ĐHQGHN phân làm 3 nhóm A, B và cơ sở, tùy thuộc vào mức độ sản phẩm và quy mô kinh phí. ĐHQGHN chỉ trực tiếp quản lý các đề tài, dự án thuộc nhóm A.

a) Đề tài, dự án nhóm A có quy mô kinh phí từ 300.000.000đ trở lên, thực hiện trong thời gian từ 24 đến 36 tháng. Sau khi nghiệm thu, trong những trường hợp cụ thể, nếu đề tài có hướng phát triển tạo nên sản phẩm khoa học có giá trị cao hơn, có thể được xem xét tiếp tục cấp kinh phí và thực hiện tối đa thêm 24 tháng;

b) Đề tài, dự án nhóm B có quy mô kinh phí từ 100.000.000đ tới 200.000.000đ, thực hiện trong thời gian từ 12 tháng đến 24 tháng;

c) Đề tài, dự án cấp cơ sở có quy mô kinh phí dưới 60.000.000đ, thực hiện trong vòng 12 tháng đến 24 tháng.

Điều 5. Chủ nhiệm đề tài, dự án KHCN

1. Đối với tất cả các đề tài, dự án thực hiện bằng kinh phí của ĐHQGHN, chủ nhiệm là viên chức (bao gồm cán bộ trong biên chế, cán bộ được tuyển dụng và ký hợp đồng làm việc dài hạn trong lĩnh vực giảng dạy và nghiên cứu) đang công tác tại một đơn vị thuộc ĐHQGHN, không đồng thời chủ trì một đề tài, dự án khác của ĐHQGHN và vi phạm các quy định về trách nhiệm hoàn thành nhiệm vụ của cán bộ.

2. Đối với đề tài nhóm A và B, chủ nhiệm có trình độ tiến sĩ trở lên, có kinh nghiệm nghiên cứu phù hợp với nhiệm vụ KHCN trong vòng 3 năm tính đến thời điểm đăng ký. Riêng đề tài nhóm B có thể giao cho thạc sĩ là cán bộ của ĐHQGHN, đang làm nghiên cứu sinh (NCS) và có thành tích nghiên cứu khoa học (NCKH) xuất sắc (giải thưởng về NCKH) hoặc có bài báo đăng ở tạp chí quốc tế hoặc tạp chí chuyên ngành trong nước trong hai năm cuối.

3. Đối với đề tài cơ sở, chủ nhiệm phải có trình độ cử nhân, kỹ sư trở lên, có chuyên ngành được đào tạo phù hợp hướng đăng ký nghiên cứu. Trường hợp cán bộ có trình độ cử nhân / kỹ sư phải có thâm niên công tác tối thiểu 1 năm tính từ ngày ký hợp đồng làm việc tại đơn vị, ưu tiên các trường hợp đang làm NCS các chuyên ngành thuộc nhiệm vụ chiến lược đạt trình độ quốc tế, các NCS chuyển tiếp từ cử nhân khoa học tài năng, chất lượng cao.

4. Giáo sư, phó giáo sư và tiến sĩ khoa học (TSKH) không làm chủ nhiệm đề tài cấp cơ sở.

5. Chủ nhiệm đề tài, dự án có các quyền sau:

a) Được cấp kinh phí đầy đủ và đúng tiến độ đã được phê duyệt;

b) Được tạo điều kiện về thời gian và điều kiện để thực hiện đề tài;

c) Được lựa chọn nhân sự có đủ khả năng và điều kiện làm thành viên tham gia nghiên cứu và đối tác tham gia thực hiện đề tài;

d) Được hưởng quyền tác giả theo quy định hiện hành sau khi thực hiện việc đăng ký kết quả nghiên cứu với các cơ quan chức năng;

e) Nếu sản phẩm hoàn thành đảm bảo chất lượng và được nghiệm thu trước thời hạn với kết quả xuất sắc, chủ nhiệm đề tài, dự án được đề nghị xét khen thưởng.

6. Chủ nhiệm đề tài, dự án có các trách nhiệm sau:

a) Thực hiện nghiêm túc nhiệm vụ theo đúng hợp đồng và chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật và các văn bản pháp quy về hoạt động KHCN nhằm nâng cao chất lượng và hiệu quả của đề tài, dự án;

b) Thực hiện nghiêm chỉnh chế độ báo cáo tiến độ theo quy định của ĐHQGHN;

c) Tất cả các sản phẩm khoa học, chuyển giao kỹ thuật và thương mại tạo ra từ kết quả nghiên cứu của đề tài, dự án đều phải ghi rõ xuất xứ gắn với nhiệm vụ KHCN của ĐHQGHN.

7. Các trường hợp ngoại lệ do Giám đốc ĐHQGHN xem xét, quyết định.

Chương 2

QUY TRÌNH XÁC ĐỊNH, TUYỂN CHỌN, PHÊ DUYỆT VÀ GIAO NHIỆM VỤ KHCN

Điều 6. Xác định, tuyển chọn nhiệm vụ KHCN

1. Nhiệm vụ KHCN ở ĐHQGHN được xác định dựa trên các cơ sở sau:

a) Những nhiệm vụ KHCN đặc biệt theo yêu cầu của Đảng và Nhà nước;

b) Đề xuất, tư vấn của Hội đồng Khoa học và Đào tạo (KH&ĐT) ĐHQGHN, các hội đồng ngành / liên ngành;

c) Đề xuất từ các nhà khoa học, các nhóm nghiên cứu, các đơn vị nghiên cứu khoa học & đào tạo trong phạm vi ĐHQGHN;

d) Những nhiệm vụ KHCN đột xuất của ĐHQGHN;

e) Đơn đặt hàng của các cơ quan, doanh nghiệp, địa phương.

2. Quy trình thành lập:

a) Toàn bộ các nhiệm vụ KHCN thực hiện bằng ngân sách nhà nước theo kế hoạch hằng năm thuộc nhóm A và B được xây dựng theo quy trình sau:

- Các nhiệm vụ đề xuất (theo quy định tại mục b và c, khoản 1 của điều này) được thể hiện theo *mẫu 01/KHCN* và gửi tới Hội đồng ngành / liên ngành (qua Ban KHCN) trước ngày 30 tháng 4 hàng năm. Các nhiệm vụ thuộc mục c cần có ý kiến của thủ trưởng đơn vị thuộc ĐHQGHN;

- Hội đồng ngành / liên ngành xem xét các đề xuất trên và thống nhất danh mục các nhiệm vụ KHCN. Mỗi nhiệm vụ phải được 2 chuyên gia xây dựng;

- Trên cơ sở ý kiến đánh giá của chuyên gia và các ủy viên, Hội đồng ngành / liên ngành tổng hợp danh mục các nhiệm vụ KHCN (*mẫu 02/KHCN*), trong đó chỉ rõ mục tiêu, yêu cầu và dự kiến sản phẩm cho từng nhiệm vụ và xác định phương thức tuyển chọn (xét chọn hay đấu thầu - tuyển chọn), gửi về ĐHQGHN qua Ban KHCN trước ngày 30 tháng 6. Đối với những nhiệm vụ áp dụng phương thức xét chọn, Hội đồng đề xuất danh sách nhà khoa học xây dựng thuyết minh đề cương. Danh mục những nhiệm vụ và danh sách nhà khoa học xây dựng thuyết minh đề cương theo phương thức này sẽ được ĐHQGHN thông báo công khai;

- Tất cả những nhiệm vụ KHCN áp dụng phương thức tuyển chọn qua đấu thầu sẽ được ĐHQGHN thông báo rộng rãi từ đầu tháng 8 hàng năm;

- Hồ sơ đăng ký thực hiện nhiệm vụ khoa học (bao gồm thuyết minh đề cương nghiên cứu (*mẫu 03/KHCN*), lý lịch khoa học của người xây dựng thuyết minh và các cộng tác viên có tên trong thuyết minh (*mẫu 04/KHCN*) gửi về ĐHQGHN (qua Ban KHCN) trước ngày 15 tháng 9;

- Hội đồng ngành / liên ngành thẩm định thuyết minh đề cương các đề tài nhóm A, B. Mỗi thuyết minh đề cương phải có 2 chuyên gia phản biện là các chuyên gia trong lĩnh vực nghiên cứu, trong đó ít nhất có 01 chuyên gia ngoài Hội đồng (*mẫu 05/KHCN*). Các thành viên Hội đồng thể hiện ý kiến nhận xét thông qua phiếu đánh giá (*mẫu 06/KHCN*). Kết quả được tính trung bình cộng điểm ghi trên phiếu của các thành viên Hội đồng tham gia bỏ phiếu. Những thuyết minh đề cương đạt từ 70 điểm trở lên và hội đủ những yêu cầu ghi trong mẫu phiếu sẽ được đề nghị xem xét phê duyệt. Căn cứ kết quả đánh giá, hướng ưu tiên của ngành / liên ngành, Hội đồng xếp thứ tự ưu tiên (không chỉ căn cứ vào điểm); ĐHQGHN thông báo kết quả này tới các đơn vị. Các thuyết minh đề cương được đề nghị xem xét phải hoàn chỉnh theo góp ý của Hội đồng.

b) Quy trình thẩm định đề tài, dự án nhóm A, B.

- Giám đốc ĐHQGHN ra quyết định thành lập hội đồng thẩm định thuyết minh đề cương các đề tài nhóm A và ủy nhiệm cho thủ trưởng các trường Đại học, Viện, Trung tâm nghiên cứu và Khoa trực thuộc ĐHQGHN ra quyết định thành lập hội đồng thẩm định thuyết minh đề cương các đề tài nhóm B;

- Hội đồng thẩm định thuyết minh đề cương gồm từ 7 đến 9 thành viên (đối với các đề tài nhóm A), 5 đến 7 thành viên (đối với các đề tài nhóm B), trong đó phải có tối thiểu 01 ủy viên hội đồng ngành / liên ngành. Cơ cấu Hội đồng gồm chủ tịch (và có thể 01 phó chủ tịch), 01 thư ký, 2 ủy viên phản biện (là các chuyên gia trong lĩnh vực nghiên cứu, không cùng một đơn vị, trong đó có ít nhất có 01 chuyên gia ngoài ĐHQGHN). Tối thiểu 2/3 số thành viên Hội đồng là nhà khoa học hoạt động trong lĩnh vực KHCN có liên quan. Không cơ cấu vào Hội đồng những chuyên gia có tên trong danh sách dự kiến tham gia đề tài;

- Quyết định của Hội đồng chỉ có giá trị khi phiên họp có mặt tối thiểu 2/3 số thành viên, trong đó có chủ tịch (hoặc phó chủ tịch được ủy nhiệm), thư ký và ít nhất 01 ủy viên phản biện. Cả hai ủy viên phản biện phải gửi ý kiến bằng văn bản (*mẫu 07/KHCN*) tới Hội đồng trước phiên họp. Trong trường hợp có ủy viên phản biện không đồng ý thông qua đề cương thì người đó nhất thiết phải có mặt tại phiên họp. Ít nhất 03 ngày trước phiên họp

các ủy viên Hội đồng được cung cấp thuyết minh đề cương, lí lịch khoa học của những người dự kiến tham gia, nhận xét của các chuyên gia giới thiệu và 2 ủy viên phản biện;

- Các thành viên Hội đồng thể hiện ý kiến nhận xét thông qua phiếu đánh giá (*mẫu 08/KHCN*). Những thuyết minh đề cương được ít nhất 3/4 số ủy viên hội đồng bỏ phiếu tán thành và hội đủ những yêu cầu ghi trong mẫu phiếu sẽ được đề nghị xem xét phê duyệt.

c) Căn cứ kết quả đánh giá của các Hội đồng thẩm định, thứ tự ưu tiên do các hội đồng ngành / liên ngành đề nghị và kế hoạch ngân sách KHCN hàng năm, Giám đốc ĐHQGHN ra quyết định thành lập đề tài, dự án nhóm A và ra quyết định bổ nhiệm người chủ trì trước 31/12 hàng năm. Trong trường hợp cần thiết có thể bổ nhiệm đồng chủ trì. Những đề tài, dự án chưa được phê duyệt được bảo lưu đưa vào danh sách xem xét phê duyệt trong kế hoạch năm tiếp theo.

d) Căn cứ đề nghị của thủ trưởng đơn vị thuộc ĐHQGHN, thứ tự ưu tiên do các hội đồng ngành / liên ngành đề nghị và kế hoạch ngân sách KHCN hàng năm, Giám đốc ĐHQGHN ra quyết định phê duyệt đề tài, dự án nhóm B, bổ nhiệm người chủ trì và ủy nhiệm cho thủ trưởng các đơn vị ký hợp đồng triển khai thực hiện và quản lý theo quy định của Nhà nước và ĐHQGHN. Trong trường hợp cần thiết thủ trưởng đơn vị có thể đề nghị Giám đốc ĐHQGHN bổ nhiệm đồng chủ trì.

e) Đề tài, dự án cấp cơ sở là các nhiệm vụ KHCN được hội đồng khoa học của đơn vị đánh giá, thông qua. Căn cứ vào thuyết minh đề cương về sản phẩm đầu ra trong quan hệ chặt chẽ với định hướng phát triển KHCN và kinh phí ngân sách KHCN thường xuyên của đơn vị được cấp, thủ trưởng đơn vị ra quyết định thành lập, bổ nhiệm người chủ trì trước 31/12 và có trách nhiệm quản lý việc thực hiện theo quy định của Nhà nước và ĐHQGHN.

g) Đối với những nhiệm vụ KHCN đột xuất, đặc biệt do Giám đốc ĐHQGHN quyết định.

Điều 7. Tiêu chí tuyển chọn đề tài, dự án

1. Tất cả các đề tài, dự án KHCN đều phải thuyết minh rõ về sản phẩm khoa học dự kiến, trong đó phải chỉ ra những vấn đề khoa học nào sẽ được giải quyết và đem lại những đóng góp mới nào cho nhận thức khoa học hoặc sản phẩm công nghệ mới nào (bao gồm cả quy trình công nghệ) sẽ được tạo ra.

2. Tất cả các đề tài, dự án KHCN đều phải chỉ ra khả năng / địa chỉ ứng dụng kết quả nghiên cứu. Đối với các dự án thử nghiệm cần thuyết minh rõ giá trị và hiệu quả kinh tế.

3. Đối với đề tài, dự án nhóm A

a) Góp phần giải quyết những vấn đề khoa học và công nghệ quan trọng có tính liên ngành cao. Kết quả nghiên cứu theo những nội dung đã mô tả bao gồm các phát hiện mới, công nghệ mới, phương pháp mới, đề xuất mới...phải đạt chất lượng cao thể hiện dưới một trong năm hình thức sau đây:

- Công bố trên tạp chí khoa học quốc tế có uy tín (ít nhất 01 bài). Đối với các đề tài, dự án nghiên cứu cơ bản thuộc lĩnh vực Khoa học tự nhiên và Công nghệ, yêu cầu này là bắt buộc;

- Công bố trên tạp chí khoa học chuyên ngành trong nước hoặc báo cáo khoa học được in toàn văn trong kỷ yếu hội nghị quốc tế (ít nhất 04 bài);

- Sách chuyên khảo tại Nhà xuất bản (NXB) có uy tín (ít nhất 01 công trình) đã xuất bản (hoặc đã ký hợp đồng xuất bản);

- Bằng sáng chế;

- Có minh chứng kết quả đề tài là sản phẩm có giá trị KHCN cao được ứng dụng / áp dụng bởi các cơ quan hoạch định chính sách hoặc ứng dụng KHCN. Xác nhận cần chỉ rõ kết quả nào được áp dụng và hiệu quả cụ thể của việc áp dụng đó.

b) Góp phần nâng cao chất lượng đào tạo sau đại học ở ĐHQGHN.

- Mỗi đề tài, dự án phải chỉ rõ trong đề cương những nội dung khoa học dành cho Học viên cao học (HVCH) hoặc NCS làm luận văn, luận án kèm theo dự trù kinh phí (không thấp hơn 20% tổng kinh phí của đề tài, dự án).

- Sản phẩm đào tạo là các thạc sĩ (ít nhất 02) hoặc tiến sĩ (ít nhất 01) đã bảo vệ thành công hoặc đang thực hiện luận văn, luận án. Trong trường hợp đến hạn nghiệm thu, HVCH hoặc NCS chưa kịp bảo vệ luận văn, luận án, chủ trì đề tài, dự án phải chỉ rõ nội dung cụ thể và mức độ hoàn thành của họ đối với những nhiệm vụ khoa học được giao trong báo cáo tổng hợp kết quả khoa học.

- Đề tài, dự án chỉ được coi là hoàn thành sau khi chủ trì đã bảo vệ thành công kết quả nghiên cứu trước hội đồng nghiệm thu và có đầy đủ minh chứng về việc HVCH hoặc NCS tham gia giải quyết một phần nội dung khoa học của đề tài, dự án và nội dung đó được thể hiện trong luận văn, luận án.

c) Mở ra khả năng thu hút nguồn lực tài chính, phát triển cơ sở vật chất, trang thiết bị từ việc áp dụng, chuyển giao kết quả, sản phẩm của đề tài, dự án.

4. Đối với đề tài, dự án nhóm B

a) Góp phần giải quyết những vấn đề KHCN quan trọng có tính liên ngành. Kết quả nghiên cứu theo những nội dung đã mô tả bao gồm các phát hiện mới, công nghệ mới, phương pháp mới, đề xuất mới...phải đạt chất lượng thể hiện dưới 1 trong 5 hình thức sau đây:

- Công bố trên tạp chí khoa học chuyên ngành trong nước (ít nhất 02 bài);

- Báo cáo khoa học được in toàn văn trong kỷ yếu hội nghị quốc tế, quốc gia (ít nhất 02 bài);

- Sách chuyên khảo tại NXB (ít nhất 01 công trình) đã xuất bản (hoặc đã ký hợp đồng xuất bản);

- Giấy chứng nhận Giải pháp công nghệ hữu ích do cơ quan có thẩm quyền cấp;

- Có minh chứng kết quả đề tài là sản phẩm có giá trị KHCN được ứng dụng / áp dụng bởi các cơ quan quản lý hoặc đơn vị hoạt động thực tiễn. Xác nhận cần chỉ rõ kết quả nào được áp dụng và hiệu quả cụ thể của việc áp dụng đó.

b) Góp phần nâng cao chất lượng đào tạo sau đại học ở ĐHQGHN.

- Mỗi đề tài, dự án phải chỉ rõ trong đề cương những nội dung khoa học dành cho HVCH và sinh viên (SV) làm luận văn, khóa luận tốt nghiệp kèm theo dự trù kinh phí (không thấp hơn 15% tổng kinh phí của đề tài, dự án).

- Sản phẩm đào tạo là thạc sĩ (ít nhất 01) và cử nhân (ít nhất 01) đã bảo vệ luận văn, khóa luận tốt nghiệp. Nếu đến hạn nghiệm thu, HVCH hoặc sinh viên chưa kịp bảo vệ luận văn, khóa luận tốt nghiệp, trong báo cáo tổng hợp kết quả khoa học, chủ trì đề tài, dự án phải chỉ rõ nội dung cụ thể và mức độ hoàn thành của họ đối với những nhiệm vụ khoa học được giao.

- Đề tài chỉ được coi là hoàn thành sau khi chủ trì đề tài đã bảo vệ thành công kết quả nghiên cứu trước hội đồng nghiệm thu và có đầy đủ minh chứng về việc SV và HVCH tham gia giải quyết một phần nội dung khoa học của đề tài, dự án và nội dung đó được thể hiện trong khóa luận, luận văn.

c) Như mục c, khoản 3 của Điều này.

5. Đối với đề tài cấp cơ sở, căn cứ vào sản phẩm đã đăng ký khi xét duyệt, hội đồng nghiệm thu do đơn vị chủ trì quyết định thành lập đánh giá mức độ thành công theo tiêu chí góp phần xây dựng và hoàn thiện bài giảng, giáo trình phục vụ đào tạo, bồi dưỡng phát triển đội ngũ cán bộ. Kết quả của đề tài phải được công bố ít nhất trong kỷ yếu của hội nghị, hội thảo khoa học trong nước.

Chương 3

TỔ CHỨC TRIỂN KHAI THỰC HIỆN ĐỀ TÀI, DỰ ÁN NGHIÊN CỨU

Điều 8. Hợp đồng triển khai thực hiện

1. Giám đốc ĐHQGHN ủy quyền cho Ban KHCN và Văn phòng ĐHQGHN cùng phối hợp tổ chức ký hợp đồng với chủ nhiệm để triển khai thực hiện đề tài, dự án KHCN nhóm A (*mẫu 09/KHCN*).

2. Giám đốc ĐHQGHN ủy quyền cho thủ trưởng các Trường đại học, Viện, Trung tâm nghiên cứu và Khoa trực thuộc ĐHQGHN ký hợp đồng với chủ trì đề tài, dự án nhóm B (*mẫu 10/KHCN*).

3. Căn cứ kế hoạch KHCN đã được phê duyệt, thủ trưởng các đơn vị thuộc ĐHQGHN ký hợp đồng với chủ trì đề tài, dự án cấp cơ sở.

Điều 9. Báo cáo và kiểm tra tiến độ

1. Các đề tài được phê duyệt thực hiện trên 12 tháng, hoặc thời hạn thực hiện trong khoảng thời gian chuyển tiếp 2 năm tài chính, chậm nhất trước ngày 31/12 hàng năm phải báo cáo tiến độ thực hiện (*mẫu 11/KHCN*).

2. Những đề tài đề nghị có những thay đổi, bổ sung phải thực hiện báo cáo tiến độ tại thời điểm đề nghị được thay đổi, bổ sung.

3. Đối với các đề tài được giao thực hiện từ 2 năm trở lên, việc tổ chức kiểm tra tiến độ định kỳ được tiến hành sau 1 năm thực hiện nhằm đánh giá tiến độ thực hiện nhiệm vụ chuyên môn, tình hình sử dụng tài chính và những vấn đề khác có liên quan.

4. Kiểm tra định kỳ tiến độ các đề tài, dự án nhóm A do ĐHQGHN chủ trì. Thành phần đoàn kiểm tra gồm đại diện Ban KHCN, Phòng Tài vụ - Văn phòng ĐHQGHN, đại diện lãnh đạo và một số phòng chức năng của đơn vị chủ trì (quản lý khoa học). Chủ nhiệm đề tài, dự án và đại diện những người tham gia thực hiện có trách nhiệm báo cáo tiến độ thực hiện.

5. Thủ trưởng các đơn vị chủ trì kiểm tra tiến độ định kỳ đề tài, dự án nhóm B và đề tài cấp cơ sở. Thành phần đoàn kiểm tra gồm đại diện lãnh đạo và một số phòng chức năng của đơn vị (quản lý khoa học, tài vụ) chủ trì đề tài, dự án và đại diện những người tham gia thực hiện có trách nhiệm báo cáo tiến độ thực hiện. Đối với đề tài nhóm B có sự tham gia của đại diện Ban KHCN trong đoàn kiểm tra.

6. Trong trường hợp cần thiết, ĐHQGHN chủ trì kiểm tra đột xuất tiến độ đề tài, dự án các cấp. Thành phần đoàn như quy định tại *khoản 4,5 của Điều 9*.

7. Nội dung kiểm tra gồm tiến độ thực hiện, nội dung nghiên cứu, sản phẩm và việc sử dụng kinh phí của đề tài so với đề cương đã được phê duyệt và hợp đồng triển khai thực hiện đề tài đã ký.

8. Khi kiểm tra tiến độ, chủ nhiệm đề tài báo cáo tiến độ thực hiện đề tài, dự án bằng văn bản và trình các kết quả đã đạt được phù hợp với nội dung báo cáo. Biên bản kiểm tra tiến độ thực hiện đề tài nhóm A/B (*mẫu 12/KHCN*) lập thành 5 bản lưu ở cơ quan chủ trì đề tài, chủ nhiệm đề tài, phòng tài vụ và ở ĐHQGHN.

9. Chỉ xem xét cấp tiếp kinh phí năm thứ 2 cho các đề tài nhóm A/ B đã thực hiện kiểm tra tiến độ và có kết luận đề tài, dự án có đủ điều kiện tiếp tục thực hiện. Nếu xét thấy không có hiệu quả hoặc những người tham gia nghiên cứu không có khả năng tiếp tục thực hiện đề tài, ĐHQGHN sẽ ra quyết định đình chỉ và khi đó, đề tài / dự án được xem là không hoàn thành và được xử lý theo quy định tại Điều 36.

Điều 10. Điều chỉnh trong quá trình thực hiện

1. Điều chỉnh thời gian thực hiện

Trong quá trình triển khai nếu vì lý do bất khả kháng không thể hoàn thành đề tài đúng theo thời gian dự kiến ban đầu thì chậm nhất là 3 tháng trước thời gian hết hạn, chủ nhiệm đề tài phải có đề nghị được gia hạn bằng văn bản. Mỗi lần gia hạn không quá 12 tháng. Tổng thời gian gia hạn không quá 18 tháng đối với các đề tài nhóm A, và không quá 12 tháng đối với các đề tài nhóm B và không quá 6 tháng đối với đề tài cấp cơ sở.

2. Điều chỉnh phạm vi và mức độ nghiên cứu

Nếu đề tài không thể tiếp tục thực hiện theo đúng như đề cương mà chưa quá 1/2 thời gian thực hiện, chủ trì phải có đề nghị bằng văn bản giải trình và nêu cụ thể đề nghị

xét điều chỉnh. Nội dung điều chỉnh chỉ có hiệu lực sau khi được cấp có thẩm quyền đồng ý bằng văn bản.

3. Điều chỉnh dự toán kinh phí

Trong trường hợp cần thiết phải điều chỉnh các khoản mục chi mà không vượt quá tổng mức kinh phí đã được phê duyệt, chủ nhiệm phải có đề nghị bằng văn bản với cấp có thẩm quyền ra quyết định kèm theo dự toán kinh phí điều chỉnh, có xác nhận của đơn vị chủ trì.

4. Thay đổi chủ nhiệm đề tài

Ở thời điểm chưa quá 1/2 thời gian thực hiện đề tài, nếu chủ nhiệm vì những lý do bất khả kháng không thể tiếp tục chủ trì đề tài mà có nhân sự khác đáp ứng các tiêu chuẩn quy định và đồng thời được đơn vị chủ trì đề nghị, có thể được xem xét để thay đổi chủ nhiệm đề tài. Nếu không chọn được người thay thế chủ nhiệm đề tài hoặc tình huống thay đổi chủ nhiệm đề tài xảy ra khi đã quá 1/2 thời gian thực hiện đề tài so với Quyết định phê duyệt, cấp quản lý có thẩm quyền ra quyết định đình chỉ thực hiện. Khi đó đề tài được xem là không hoàn thành và xử lý theo các quy định tại Điều 36 của hướng dẫn này.

5. Thủ tục xin thay đổi trong quá trình thực hiện đề tài bao gồm:

a) Đơn đề nghị của chủ trì đề tài và công văn đề nghị của đơn vị chủ trì. Trong đơn cần nêu rõ lý do và có xác nhận của thủ trưởng đơn vị, kèm theo bản báo cáo tiến độ thực hiện;

b) 05 bản Phiếu đề nghị thay đổi trong quá trình thực hiện đề tài (*mẫu 13/KHCN*);

c) Trong trường hợp cần thiết cấp quản lý tương ứng có thể thành lập Hội đồng thẩm định nội dung đề nghị thay đổi.

6. Cấp ra quyết định thành lập và bổ nhiệm chủ nhiệm có thẩm quyền ra quyết định điều chỉnh đề tài, dự án bao gồm cả việc đổi chủ nhiệm.

7. Những trường hợp đặc biệt do Giám đốc ĐHQGHN xem xét, quyết định.

Chương 4

ĐÁNH GIÁ NGHIỆM THU VÀ QUẢN LÝ KẾT QUẢ ĐỀ TÀI, DỰ ÁN

Điều 11. Những quy định chung về đánh giá, nghiệm thu

1. Đề nghiệm thu đề tài/dự án chủ nhiệm viết báo cáo nghiệm thu (*mẫu 14/KHCN*) và đề nghị các cấp có thẩm quyền ra quyết định nghiệm thu.

2. Đơn vị chủ trì có trách nhiệm thẩm định kết quả và báo cáo nghiệm thu đề tài, dự án theo đúng quy định của ĐHQGHN trước khi ra quyết định nghiệm thu.

3. Các đề tài, dự án thuộc diện quản lý theo chế độ mật, được đánh giá nghiệm thu, quản lý kết quả nghiên cứu theo quy định riêng. Cơ quan chủ trì đề tài và chủ nhiệm đề tài, dự án có trách nhiệm bảo mật theo quy định của Nhà nước và các hướng dẫn của ĐHQGHN.

4. Cấp ra quyết định thành lập đề tài, dự án có trách nhiệm ra quyết định thành lập hội đồng nghiệm thu.

5. Đề tài, dự án nhóm A phải được nghiệm thu 2 cấp. Thủ trưởng đơn vị chủ trì ra quyết định thành lập hội đồng nghiệm thu cấp cơ sở, Giám đốc ĐHQGHN ra quyết định thành lập hội đồng nghiệm thu cấp ĐHQGHN. Căn cứ đánh giá kết quả thực hiện đề tài, dự án là hợp đồng và đề cương đã được phê duyệt và các văn bản cho phép thay đổi điều chỉnh có liên quan đến đề tài.

6. Thời gian nghiệm thu đề tài các cấp không quá 45 ngày kể từ ngày ra quyết định thành lập hội đồng nghiệm thu. Đối với đề tài nhóm A được đánh giá ở mức đạt trở lên, trong vòng 90 ngày kể từ ngày ký quyết định nghiệm thu cấp cơ sở, phải tiến hành nghiệm thu cấp ĐHQG. Nếu quá thời hạn đó mà chủ nhiệm đề tài vẫn chưa hoàn thiện đầy đủ báo cáo nghiệm thu theo quy định của ĐHQGHN và kết luận của hội đồng nghiệm thu cấp cơ sở thì xem như đề tài không hoàn thành.

7. Đề tài, dự án quá 6 tháng so với thời hạn được cấp có thẩm quyền cho phép (kể cả thời gian đã được gia hạn) mà chưa nghiệm thu thì được xem là không hoàn thành và cấp quản lý có thẩm quyền ra quyết định đình chỉ thực hiện đề tài và xử lý theo các quy định tại Điều 36 của Hướng dẫn này.

Điều 12. Quy trình đánh giá, nghiệm thu

1. Đề tài, dự án nhóm A:

a) Đánh giá cấp cơ sở

- Sau khi hoàn thành chủ trì đề tài, dự án nộp sản phẩm cho cơ quan chủ trì bao gồm báo cáo tổng kết, báo cáo tóm tắt và các sản phẩm, tài liệu liên quan;

- Thủ trưởng cơ quan chủ trì ra quyết định thành lập hội đồng và tổ chức đánh giá nghiệm thu cấp cơ sở từ 7-9 thành viên, bao gồm chủ tịch, thư ký, 2 ủy viên phản biện (là các chuyên gia có uy tín trong lĩnh vực nghiên cứu, không cùng một cơ quan, trong đó có ít nhất 1 phản biện ngoài ĐHQGHN và các ủy viên (có ít nhất một ủy viên đang làm cho cơ quan quản lý KHCN của ĐHQGHN);

- Những người tham gia thực hiện đề tài không tham gia hội đồng đánh giá;

- Cơ quan chủ trì đề tài thông báo rộng rãi để những người quan tâm tới tham dự buổi họp đánh giá nghiệm thu cấp cơ sở;

- Căn cứ vào khối lượng, chất lượng sản phẩm của đề tài, dự án, đối chiếu với hợp đồng, đề cương đã được phê duyệt và các tiêu chí quy định tại Khoản 3, Điều 7 của Hướng dẫn này, Hội đồng chỉ đánh giá theo một trong hai mức “Đạt” hoặc “Không đạt” (*mẫu 15/KHCN; mẫu 16/KHCN*);

- Đề tài, dự án được đánh giá “Đạt” và được phép làm thủ tục nghiệm thu cấp ĐHQG khi hội đủ các yếu tố sau đây:

+ Đủ số lượng sản phẩm đảm bảo chất lượng như đăng ký trong thuyết minh;

+ Kết quả đảm bảo tính trung thực và không trùng lặp với những kết quả đã công bố;

- + Không vi phạm các quy định và nguyên tắc quản lý;
 - + Được ít nhất 2/3 số thành viên hội đồng bỏ phiếu đánh giá “Đạt”.
 - Chủ trì đề tài, dự án được đánh giá “Đạt” nộp hồ sơ lên ĐHQGHN (qua Ban KHCN) đề nghị nghiệm thu, bao gồm:
 - + Báo cáo tổng kết và báo cáo tóm tắt kết quả nghiên cứu đã chỉnh sửa theo yêu cầu của Hội đồng cấp cơ sở;
 - + Báo cáo về tình hình sử dụng và quyết toán kinh phí;
 - + Quyết định thành lập và biên bản họp hội đồng đánh giá cấp cơ sở;
 - + Công văn của cơ quan chủ trì đề nghị nghiệm thu cấp ĐHQG.
 - Đối với những đề tài, dự án “Không đạt” thuần túy vì lý do chuyên môn (không vi phạm các nguyên tắc quản lý và tính trung thực) chủ trì được phép hoàn chỉnh, bổ sung và chậm nhất sau 3 tháng kể từ ngày họp hội đồng đánh giá cấp cơ sở lần đầu tiên, đơn vị chủ trì ra quyết định thành lập lại hội đồng nghiệm thu cấp cơ sở lần thứ hai với những thành viên hội đồng như lần trước. Trong trường hợp thành viên hội đồng cấp cơ sở lần trước vì lý do chính đáng không thể tham gia hội đồng đánh giá cấp cơ sở lần hai, thủ trưởng đơn vị bổ sung thêm thành viên mới, nhưng số thành viên mới không quá 1/3 so với hội đồng nghiệm thu cấp cơ sở lần đầu;
 - Nếu được hội đồng đánh giá cấp cơ sở lần thứ hai thông qua ở mức “Đạt”, chậm nhất sau 30 ngày kể từ ngày họp Hội đồng, chủ trì hoàn thiện báo cáo tổng kết và các sản phẩm theo góp ý của Hội đồng và hoàn chỉnh các hồ sơ theo quy định để trình ĐHQGHN ra quyết định thành lập hội đồng nghiệm thu cấp ĐHQGHN;
 - Nếu hội đồng cấp cơ sở lần thứ hai vẫn đánh giá “Không đạt”, hoặc quá thời hạn 30 ngày kể từ ngày nghiệm thu cấp cơ sở lần hai mà đơn vị chủ trì và chủ nhiệm đề tài vẫn chưa hoàn chỉnh hồ sơ theo quy định để trình ĐHQGHN, đề tài, dự án được xem là không hoàn thành.
- b) Nghiệm thu cấp ĐHQGHN:
- Giám đốc ĐHQGHN ra quyết định thành lập hội đồng nghiệm thu cấp ĐHQG, gồm từ 7 – 9 thành viên hội đồng, trong đó tối thiểu phải có 01 thành viên là ủy viên Hội đồng ngành / liên ngành của ĐHQGHN. Có ít nhất 1/3 số đó là cán bộ ngoài cơ quan chủ trì. Đại diện cho cơ quan quản lý tham gia không quá 1/3 số thành viên hội đồng. Đối với đề tài, dự án có sản phẩm ứng dụng, thử nghiệm, nhất thiết phải có đại diện cơ sở ứng dụng, chuyển giao kết quả tham gia hội đồng.
 - Cơ cấu Hội đồng gồm chủ tịch (và có thể 01 phó chủ tịch), 01 thư ký, 02 ủy viên phản biện là các chuyên gia có uy tín trong lĩnh vực nghiên cứu, không cùng cơ quan với chủ trì, trong đó ít nhất 1 người là cán bộ ngoài ĐHQGHN. Những người tham gia thực hiện đề tài không tham gia hội đồng nghiệm thu.
 - Việc nghiệm thu phải được thực hiện trong vòng 45 ngày, kể từ ngày ký quyết định thành lập hội đồng và chỉ tiến hành họp khi có đủ từ 2/3 số thành viên hội đồng trở lên, trong đó nhất thiết phải có mặt chủ tịch (hoặc phó chủ tịch được ủy quyền), thư ký và ít nhất 1 phản biện. Cả hai phản biện đều phải gửi nhận xét bằng văn bản (*mẫu 17./KHCN*

tới trước thời gian dự định họp ít nhất 03 ngày. Ủy viên phản biện có đánh giá đề tài không đạt yêu cầu nhất thiết phải có mặt tại phiên họp.

- Hội đồng xếp loại đề tài, dự án bằng phương thức cho điểm (*mẫu 18/KHCN*), theo các mức sau:

- + Tốt: trên 85 điểm;
- + Khá: từ 70 - 85 điểm;
- + Đạt: từ 60 - 69 điểm;
- + Không đạt: dưới 60 điểm .

- Các đề tài, dự án quá hạn mà không làm thủ tục gia hạn hoặc nộp hồ sơ làm thủ tục nghiệm thu không đúng thời gian quy định bị hạ một mức theo đánh giá của hội đồng.

2. Đề tài, dự án nhóm B

- Sau khi hoàn thành chủ trì đề tài, dự án nộp sản phẩm cho ĐHQGHN và cơ quan chủ trì bao gồm báo cáo tổng kết, báo cáo tóm tắt và các sản phẩm, tài liệu liên quan;

- Quy trình đánh giá, nghiệm thu đề tài nhóm B được thực hiện như hướng dẫn ở mục b, khoản 1 của điều này.

3. Đề tài cấp cơ sở

Quy trình đánh giá, nghiệm thu do thủ trưởng đơn vị chủ trì quyết định.

Điều 13. Kinh phí hoạt động của các hội đồng

1. Kinh phí hoạt động của các hội đồng ngành/ liên ngành, hội đồng thẩm định đề cương đề tài nhóm A/ B lấy từ kinh phí chi thường xuyên cho sự nghiệp KHCN .

2. Kinh phí kiểm tra tiến độ thực hiện đề tài, hoạt động của các hội đồng đánh giá nghiệm thu, hội đồng thẩm định các thay đổi trong quá trình thực hiện đề tài (nếu có) lấy từ kinh phí của đề tài.

3. Chế độ chi cho hoạt động của các hội đồng theo quy định tài chính hiện hành của Nhà nước và của ĐHQGHN.

Chương 5

QUẢN LÝ ĐỀ TÀI, DỰ ÁN SAU NGHIỆM THU

Điều 14. Hoàn tất thủ tục giao nộp sản phẩm

1. Đối với các đề tài, dự án nhóm A

a) Nộp cho Ban KHCN, ĐHQGHN:

- 01 bản báo cáo tổng kết, 01 bản báo cáo tóm tắt đề tài, dự án (tiếng Việt và tiếng Anh đã được chỉnh sửa và bổ sung theo ý kiến của hội đồng nghiệm thu);

- Các sản phẩm khoa học của đề tài, dự án;

- 01 đĩa CD ghi lại toàn bộ bản báo tổng kết và báo cáo tóm tắt cùng các bảng biểu, hình vẽ, bản đồ / sơ đồ có liên quan;

- Giấy xác nhận của Phòng tài vụ, Văn phòng ĐHQGHN về việc đề tài đã quyết toán kinh phí và đã xử lý tài sản (nếu có).

b) Nộp cho Phòng quản lý KHCN của đơn vị:

- 01 bản báo cáo tổng kết, 01 bản báo cáo tóm tắt đề tài, dự án (tiếng Việt và tiếng Anh đã được chỉnh sửa và bổ sung theo ý kiến của hội đồng nghiệm thu).

2. Đối với đề tài, dự án nhóm B:

a) Nộp cho Ban KHCN, ĐHQGHN:

- 01 bản báo cáo tổng kết, 01 bản báo cáo tóm tắt đề tài, dự án (tiếng Việt và tiếng Anh đã được chỉnh sửa và bổ sung theo ý kiến của hội đồng nghiệm thu).

b) Nộp cho Phòng quản lý KHCN của đơn vị:

- 02 bản báo cáo tổng kết, 02 bản báo cáo tóm tắt đề tài, dự án (tiếng Việt và tiếng Anh đã được chỉnh sửa và bổ sung theo ý kiến của hội đồng nghiệm thu);

- Các sản phẩm khoa học của đề tài, dự án;

- 01 đĩa CD ghi lại toàn bộ bản báo tổng kết và báo cáo tóm tắt cùng các bảng biểu, hình vẽ, bản đồ/ sơ đồ có liên quan;

- Giấy xác nhận của Phòng tài vụ của đơn vị về việc chủ nhiệm đề tài đã quyết toán kinh phí đề tài và đã xử lý tài sản (nếu có).

3. Đối với đề tài cấp cơ sở

Nộp cho Phòng quản lý KHCN của đơn vị:

- 02 bản báo cáo tổng kết, 02 bản báo cáo tóm tắt đề tài, dự án (tiếng Việt và tiếng Anh đã được chỉnh sửa và bổ sung theo ý kiến của hội đồng nghiệm thu).

4. Toàn bộ các thủ tục giao nộp sản phẩm phải được hoàn tất trong vòng 30 ngày kể từ ngày nghiệm thu.

5. Sau khi nhận đủ các hồ sơ theo quy định như trên, Ban KHCN có trách nhiệm chuyển 01 báo cáo tổng kết và các sản phẩm khoa học của đề tài, dự án nhóm A/B cho Trung tâm thông tin thư viện, ĐHQGHN.

6. Sau khi hoàn tất các thủ tục, nếu chủ nhiệm đề tài, dự án có đề nghị, ĐHQGHN (qua Ban KHCN) cấp giấy chứng nhận hoàn thành đề tài, dự án nhóm A, Đơn vị chủ trì (qua phòng quản lý KHCN) cấp giấy chứng nhận hoàn thành đề tài, dự án nhóm B và cấp cơ sở (mẫu 19/KHCN).

Điều 15. Quản lý, công bố các kết quả nghiên cứu và sử dụng sản phẩm

1. Sau khi nghiệm thu, đơn vị trực thuộc có trách nhiệm thông báo công khai kết quả thực hiện đề tài trên trang thông tin điện tử hoặc bản tin của đơn vị.

2. Kết quả của đề tài, dự án KHCN khi công bố dưới dạng các bài báo, báo cáo khoa học, sách chuyên khảo, giáo trình,...phải ghi rõ thực hiện trong khuôn khổ đề tài của ĐHQGHN kèm theo ký hiệu VNU để có thể dễ dàng nhận diện khi tra cứu trên mạng.

3. ĐHQGHN quản lý kết quả nghiên cứu, sản phẩm của các đề tài KHCN của ĐHQGHN. Việc sử dụng các kết quả, sản phẩm của các đề tài thực hiện theo quy định của pháp luật về sở hữu trí tuệ, về chuyển giao công nghệ và các quy định khác có liên quan của Nhà nước. Khi xuất bản, phổ biến, chuyển giao hoặc bán các kết quả nghiên cứu/công nghệ/sản phẩm của các đề tài KHCN của ĐHQGHN phải có đơn đề nghị của chủ nhiệm đề tài, đề nghị của đơn vị chủ trì và được ĐHQGHN xem xét, cho phép bằng văn bản và phải được thực hiện trong khuôn khổ các quy định hiện hành của Nhà nước.

4. ĐHQGHN khuyến khích và tạo điều kiện cho các đề tài, dự án công bố kết quả nghiên cứu dưới dạng giáo trình, sách chuyên khảo phục vụ đào tạo, nghiên cứu sau khi được hội đồng thẩm định thông qua theo các quy định hiện hành.

5. Kết quả nghiên cứu, sản phẩm của các đề tài quản lý theo chế độ mật được bảo mật theo các quy định của Nhà nước.

Chương 6 **NHIỆM VỤ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

Điều 16. Nhiệm vụ bảo vệ môi trường thực hiện bằng kinh phí nhận từ Bộ Tài nguyên và Môi trường được xét duyệt và quản lý theo qui định sau đây:

1. Căn cứ vào nhiệm vụ chung của ĐHQGHN và đề xuất của các cá nhân, đơn vị về nội dung bảo vệ môi trường (*mẫu 01/KHCN*) đăng ký tại ĐHQGHN (qua Ban KHCN) trước 30/4 hàng năm, ĐHQGHN trình Bộ Tài nguyên và Môi trường kế hoạch tổng thể về nhiệm vụ bảo vệ môi trường vào tháng 7 hàng năm.

2. Sau khi được Bộ Tài nguyên và Môi trường phê duyệt, ĐHQGHN thông báo công khai danh mục các nhiệm vụ bảo vệ môi trường của năm kế tiếp. Các đơn vị, cá nhân làm đề cương chi tiết (*mẫu 03/KHCN*) nộp cho ĐHQGHN (qua Ban KHCN). ĐHQGHN tiến hành thẩm định, phê duyệt và cấp kinh phí thực hiện.

Điều 17. Tiêu chuẩn làm chủ nhiệm nhiệm vụ bảo vệ môi trường:

1. Là cán bộ trong biên chế, cán bộ được tuyển dụng và ký hợp đồng làm việc trong lĩnh vực giảng dạy và nghiên cứu đang công tác tại một đơn vị thuộc ĐHQGHN.

2. Về chuyên môn phải thỏa mãn đồng thời các yêu cầu sau:

a) Có trình độ thạc sĩ trở lên, có chuyên môn và đã có kết quả nghiên cứu thuộc lĩnh vực phù hợp với đề tài. Đối với các đề tài, dự án có tính liên ngành đòi hỏi chủ trì nhiệm vụ phải có trình độ từ TS trở lên.

b) Trong 5 năm gần nhất có công bố trong nước và quốc tế về lĩnh vực nghiên cứu có liên quan với đề tài, dự án.

c) Là người đề xuất ý tưởng chính và chủ trì tổ chức xây dựng bản thuyết minh nhiệm vụ.

Điều 18. Căn cứ quy mô kinh phí, việc quản lý nhiệm vụ bảo vệ môi trường được phân cấp như đối với đề tài, dự án nghiên cứu của ĐHQGHN.

Chương 7

PHỐI HỢP QUẢN LÝ CÁC NHIỆM VỤ KHCN CẤP NHÀ NƯỚC

Điều 19. Căn cứ vào các văn bản hướng dẫn hiện hành của Nhà nước, ĐHQGHN và các đơn vị thuộc ĐHQGHN có trách nhiệm phối hợp chặt chẽ với Bộ Khoa học và Công nghệ quản lý tốt các nhiệm vụ KHCN cấp Nhà nước do cán bộ ĐHQGHN làm chủ nhiệm hoặc tham gia thực hiện.

Điều 20. Trách nhiệm của các đơn vị là cơ quan chủ trì

1. Tạo điều kiện thuận lợi cho chủ nhiệm và thành viên nhóm nghiên cứu thực hiện đúng tiến độ, với chất lượng cao nhất các nhiệm vụ KHCN cấp Nhà nước theo hợp đồng đã ký kết với Bộ KHCN hoặc Văn phòng các Chương trình KHCN trọng điểm cấp Nhà nước.

2. Tạo điều kiện cho chủ nhiệm và nhóm nghiên cứu sử dụng cơ sở vật chất, trang thiết bị thuộc quyền quản lý của đơn vị để thực hiện các nhiệm vụ KHCN cấp Nhà nước. Thủ trưởng đơn vị ký hợp đồng với chủ trì nhiệm vụ về việc sử dụng cơ sở vật chất và các trang thiết bị nói trên, trong đó quy định rõ quyền lợi và trách nhiệm của hai bên.

3. Tạo điều kiện về thời gian cho các cán bộ thuộc đơn vị quản lý tham gia hoặc chủ trì các nhiệm vụ KHCN cấp Nhà nước.

4. Phối hợp quản lý tốt việc công bố và ứng dụng kết quả, sản phẩm KHCN của các nhiệm vụ KHCN cấp Nhà nước theo đúng Luật sở hữu trí tuệ và các hướng dẫn khác của ĐHQGHN.

5. Định kỳ báo cáo Bộ KHCN và ĐHQGHN về tình hình quản lý các nhiệm vụ KHCN cấp Nhà nước.

6. Phối hợp với các cơ quan quản lý Nhà nước xử lý các nhiệm vụ KHCN cấp Nhà nước không hoàn thành theo đúng quy định của Nhà nước.

7. Thực hiện thu và sử dụng quản lý phí các nhiệm vụ KHCN cấp Nhà nước theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước và ĐHQGHN.

Điều 21. Quyền và nghĩa vụ của các nhà khoa học của ĐHQGHN

1. Các nhà khoa học của ĐHQGHN có các quyền sau:

a) Đề nghị ĐHQGHN đầu tư kinh phí (dưới dạng đề tài, dự án), hỗ trợ cơ sở vật chất và các thủ tục cần thiết để có thể giành được các đề tài, dự án cấp Nhà nước;

b) Đề nghị các đơn vị và ĐHQGHN tạo điều kiện thuận lợi về thời gian, nhân lực, cơ sở vật chất và trang thiết bị để thực hiện tốt các nhiệm vụ KHCN cấp Nhà nước;

c) Đề nghị các đơn vị và ĐHQGHN tạo điều kiện thuận lợi cho việc công bố, đăng ký bản quyền và ứng dụng các sản phẩm của nhiệm vụ KHCN cấp Nhà nước;

d) Đề nghị các đơn vị và ĐHQGHN xem xét cấp kinh phí bổ sung hoặc kinh phí đối ứng cho các nhiệm vụ KHCN cấp Nhà nước theo yêu cầu của các cơ quan quản lý Nhà nước;

e) Được đăng ký xét khen thưởng kết quả nghiên cứu theo hệ thống các giải thưởng KHCN của ĐHQGHN.

2. Các nhà khoa học của ĐHQGHN có các nghĩa vụ sau:

a) Báo cáo định kỳ tình hình và kết quả thực hiện các nhiệm vụ KHCN cấp Nhà nước với cơ quan chủ trì và ĐHQGHN;

b) Tích hợp công việc nghiên cứu với nhiệm vụ đào tạo và thực hiện các nhiệm vụ chiến lược của ĐHQGHN;

c) Khi công bố kết quả phải ghi rõ tên cơ quan chủ trì, ĐHQGHN, phòng thí nghiệm.

Điều 22. Trách nhiệm phối hợp của ĐHQGHN với các cơ quan quản lý Nhà nước

1. Phối hợp với Bộ KHCN và các cơ quan hữu quan thực hiện chức năng quản lý nhà nước đối với các nhiệm vụ KHCN cấp Nhà nước.

2. Tổng hợp, báo cáo các cơ quan lãnh đạo Đảng và Nhà nước về tình hình và kết quả thực hiện nhiệm vụ KHCN cấp Nhà nước, góp phần vào sự nghiệp phát triển kinh tế, xã hội, văn hóa, giáo dục và an ninh quốc phòng của đất nước.

3. Xét khen thưởng và kỷ luật đối với đơn vị, cá nhân thuộc ĐHQGHN có tham gia hoặc chủ trì các nhiệm vụ KHCN cấp Nhà nước.

Chương 8

QUẢN LÝ DỰ ÁN SẢN XUẤT THỬ - THỬ NGHIỆM

Điều 23. Tiêu chí đối với dự án sản xuất thử (SXTN) - Thử nghiệm

1. Yêu cầu chung

a) Phù hợp với định hướng chiến lược về KHCN của ĐHQGHN;

b) Ưu tiên những hướng công nghệ phục vụ phát triển kinh tế - xã hội quan trọng, những nhiệm vụ chính trị được Đảng và Nhà nước giao;

c) Phải có hiệu quả kinh tế - xã hội cao; tận dụng nguồn tài nguyên, nhân lực trong nước; tiết kiệm nguyên liệu, nhiên liệu và bảo vệ môi trường.

2. Dự án SXTN có xuất xứ từ một trong các nguồn sau đây:

a) Sản phẩm KHCN được cấp bằng sáng chế;

b) Sản phẩm KHCN được cấp chứng nhận Giải pháp hữu ích;

c) Sản phẩm KHCN được tặng giải thưởng tại hội thi sáng tạo, hội chợ công nghệ quốc gia;

d) Kết quả đề tài, dự án nghiên cứu có triển vọng áp dụng trong thực tế, được hội đồng nghiệm thu có kiến nghị bằng văn bản chỉ rõ sản phẩm đầu ra;

e) Kết quả KHCN nước ngoài đã được tổ chức có thẩm quyền thẩm định và công nhận đủ điều kiện triển khai sản xuất thử.

3. Sản phẩm đầu ra phải đảm bảo được một trong hai yêu cầu sau:

a) Qui trình công nghệ mới (hoặc hoàn thiện) có địa chỉ ứng dụng để chế tạo (sản xuất) đại trà;

b) Có thị trường tiêu thụ.

Điều 24. Chủ trì dự án SXTN

1. Là cán bộ trong biên chế hoặc hợp đồng làm việc dài hạn đang công tác tại một đơn vị thuộc ĐHQGHN;

2. Có trình độ đại học trở lên, đã có kết quả nghiên cứu phù hợp với nội dung dự án;

3. Có khả năng tổ chức thực hiện dự án;

4. Tại thời điểm xét duyệt dự án, không là chủ trì đề tài, dự án khác của ĐHQGHN.

Điều 25. Kinh phí và thời gian thực hiện dự án

1. Kinh phí hỗ trợ cho dự án do Giám đốc ĐHQGHN quyết định, nhưng không quá 30% tổng kinh phí thực hiện dự án (không kể trang thiết bị và nhà xưởng đã có), trong đó ưu tiên hỗ trợ về thiết bị máy móc và chi phí để hoàn thiện công nghệ, sản xuất thử.

2. Thời gian thực hiện tùy thuộc vào tính chất và quy mô của dự án, nhưng không quá 24 tháng đối với dự án thuộc lĩnh vực công nghiệp và 36 tháng đối với dự án thuộc lĩnh vực nông, lâm, ngư nghiệp. Trong quá trình thực hiện nếu dự án cần kéo dài hơn so với thời gian qui định, tổ chức, cá nhân chủ trì phải có báo cáo giải trình để Giám đốc ĐHQGHN xem xét quyết định.

Điều 26. Quản lý dự án SXTN

1. Đăng ký, thẩm định, phê duyệt và giao thực hiện

a) Đăng ký dự án SXTN phải được thẩm định sơ bộ và đưa vào kế hoạch KHCN năm sau của đơn vị, nộp cho ĐHQGHN (qua Ban KHCN) trước ngày 30/6 hàng năm;

b) ĐHQGHN lập Hội đồng thẩm định đề cương (*mẫu 20/KHCN, mẫu 21/KHCN, mẫu 22/KHCN, mẫu 23/KHCN*);

c) Những đề cương đạt yêu cầu, sau khi đã hoàn chỉnh sẽ được phê duyệt;

d) Giám đốc phê duyệt và bổ nhiệm chủ trì dự án SXT-TN và ủy quyền cho thủ trưởng đơn vị chủ trì ký hợp đồng với chủ trì dự án.

2. Kiểm tra tiến độ thực hiện

a) Việc kiểm tra tiến độ định kỳ do cơ quan quản lý tương ứng phối hợp đơn vị chủ trì tiến hành vào khoảng giữa thời gian thực hiện;

b) Trong trường hợp cần thiết, ĐHQGHN có thể tiến hành những đợt kiểm tra đột xuất.

3. Khi kết thúc thời gian thực hiện, chủ nhiệm dự án nộp báo cáo tổng kết. Đơn vị chủ trì thẩm định và đề nghị ĐHQGHN thành lập hội đồng nghiệm thu. Hội đồng nghiệm thu dự án sản xuất thử nghiệm gồm 5–7 thành viên, trong đó về phía các cơ quan quản lý không quá 1/3, về phía cơ quan ứng dụng không quá 1/3. Trình tự họp Hội đồng nghiệm thu dự án sản xuất thử nghiệm cũng tương tự như với Hội đồng nghiệm thu đề tài KHCN (*mẫu 24/KHCN, mẫu 25/KHCN*).

4. Mức thu hồi kinh phí dự án SXTN do Giám đốc ĐHQGHN quyết định, nhưng không thấp hơn mức qui định trong các văn bản có liên quan của Nhà nước.

5. Hợp đồng chỉ được thanh lý sau khi dự án SXTN đã được nghiệm thu, đơn vị chủ trì đã nộp đủ kinh phí thu hồi và quyết toán toàn bộ số kinh phí hỗ trợ từ ngân sách Nhà nước cho dự án.

Chương 9

QUẢN LÝ CÁC ĐỀ TÀI, DỰ ÁN HỢP TÁC TRONG NƯỚC VÀ QUỐC TẾ

Điều 27. Đề tài, dự án hợp tác với các đối tác trong nước

1. Nhiệm vụ KHCN hợp tác với các đối tác trong nước của ĐHQGHN (gọi tắt là nhiệm vụ KHCN hợp tác) bao gồm những chương trình, đề tài, dự án nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ do cá nhân hoặc tổ chức ký kết hợp đồng dưới danh nghĩa của ĐHQGHN hợp tác với một hoặc nhiều đối tác trong nước thực hiện.

2. Mục tiêu thống nhất quản lý các nhiệm vụ KHCN hợp tác của ĐHQGHN là nhằm thúc đẩy, hỗ trợ và nâng cao chất lượng, hiệu quả của hoạt động KHCN và đào tạo, đa dạng hóa nguồn lực, phục vụ tốt hơn việc thực hiện các mục tiêu chiến lược của ĐHQGHN và đóng góp thiết thực hơn vào sự nghiệp phát triển kinh tế, xã hội, văn hóa của đất nước.

3. Các nhiệm vụ KHCN hợp tác hoàn toàn bằng kinh phí của đối tác được quản lý theo các văn bản pháp quy của nhà nước, hàng năm phải báo cáo với các đơn vị chủ trì và ĐHQGHN (qua Ban KHCN).

4. Các nhiệm vụ KHCN hợp tác có sử dụng kinh phí của ĐHQGHN, quy trình đề xuất, tuyển chọn, phê duyệt áp dụng theo Điều 6,7 *Chương 2* của Hướng dẫn này kèm thêm thuyết minh về đối tác cùng ý nghĩa và hiệu quả của việc hợp tác.

Điều 28. Đề tài, dự án hợp tác quốc tế

1. Các nhiệm vụ KHCN hợp tác quốc tế của ĐHQGHN (gọi chung là nhiệm vụ KHCN hợp tác quốc tế) bao gồm những chương trình, đề tài, dự án nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ do cá nhân hoặc tổ chức ký kết hợp đồng dưới danh nghĩa của ĐHQGHN hợp tác với một hoặc nhiều đối tác nước ngoài thực hiện (các hội nghị, hội thảo, diễn đàn khoa học quốc tế không thuộc phạm vi điều chỉnh của văn bản này).

2. Mục tiêu thống nhất quản lý các nhiệm vụ KHCN hợp tác quốc tế của ĐHQGHN là nhằm thúc đẩy, hỗ trợ và nâng cao chất lượng, hiệu quả của công tác hợp tác quốc tế về KHCN của ĐHQGHN, phục vụ tốt hơn việc thực hiện các mục tiêu chiến lược của ĐHQGHN và đóng góp thiết thực hơn vào sự nghiệp phát triển kinh tế, xã hội, văn hóa của đất nước.

3. Các nhiệm vụ KHCN hợp tác quốc tế hoàn toàn bằng kinh phí của đối tác được quản lý theo các văn bản pháp quy của nhà nước, hàng năm phải báo cáo với các đơn vị chủ trì và ĐHQGHN (qua Ban Quan hệ Quốc tế).

4. Các nhiệm vụ KHCN hợp tác quốc tế có sử dụng ngân sách nhà nước (bao gồm cả ngân sách đối ứng và kinh phí của ĐHQGHN), quy trình đề xuất, tuyển chọn, phê duyệt áp dụng theo Điều 6,7 *Chương 2* của Hướng dẫn này đồng thời phải tuân thủ các văn bản pháp quy của nhà nước về hợp tác quốc tế trong KHCN.

Chương 10 **NGHIÊN CỨU KHOA HỌC SINH VIÊN**

Điều 29. Nghiên cứu khoa học của sinh viên (NCKHSV) bao gồm các hoạt động nghiên cứu của sinh viên dưới các hình thức sau đây:

1. Tham gia thực hiện các nhiệm vụ khoa học – công nghệ của các nhà khoa học hoặc của đơn vị đào tạo;
2. Thực hiện các đề tài nghiên cứu độc lập hoặc dưới sự hướng dẫn của giáo viên (bao gồm cả niên luận và khóa luận tốt nghiệp);
3. Tham gia các hội thảo khoa học trong nước và quốc tế;
4. Hội nghị khoa học của sinh viên (HNKHSV).

Điều 30. Kinh phí NCKHSV lấy từ các nguồn sau:

1. Kinh phí từ các đề án, dự án có sinh viên tham gia;
2. Kinh phí KHCN cấp cho đơn vị đào tạo hàng năm;
3. Một phần kinh phí đào tạo;
4. Kinh phí dành riêng cho hoạt động NCKHSV;
5. Kinh phí do kết quả của các hoạt động KHCN và lao động sản xuất của đơn vị tạo ra;
6. Kinh phí do các tổ chức, đoàn thể và cá nhân trong và ngoài nước ủng hộ.

Điều 31. Đánh giá hoạt động NCKHSV tiến hành hàng năm thông qua hội nghị khoa học sinh viên theo quy trình sau:

1. Thông qua HNKHSV cấp khoa (bộ môn trực thuộc) lựa chọn những công trình tiêu biểu tham dự HNKHSV cấp trường (Khoa trực thuộc);

2. Thông qua HNKHSV cấp trường (Khoa trực thuộc) tuyển chọn những công trình tiêu biểu để dự thi giải thưởng công trình NCKH của sinh viên cấp ĐHQGHN.

Điều 32. Trách nhiệm, quyền lợi của sinh viên và cán bộ hướng dẫn

1. Đối với sinh viên

a) Có trách nhiệm nghiêm túc thực hiện các quy định về hoạt động NCKH và các quy định sử dụng tài liệu, thiết bị, phòng thí nghiệm, phải đảm bảo tính trung thực trong nghiên cứu và sử dụng hiệu quả kinh phí được hỗ trợ;

b) Phải cố gắng phát huy khả năng và trách nhiệm cao nhất để hoàn thành tốt nội dung nghiên cứu đúng kỳ hạn và những cam kết trong hợp đồng (nếu có);

c) Được ưu tiên sử dụng trang thiết bị, phòng thí nghiệm, cơ sở vật chất, tư liệu phục vụ cho đề tài theo khả năng của nhà trường;

d) Sinh viên từ năm thứ 3 trở xuống, điểm công trình NCKH được tính cho môn học tự chọn (hoặc niên luận), được cộng vào điểm trung bình chung học tập của năm học (nếu không làm giảm điểm trung bình chung học tập);

e) Đối với sinh viên năm cuối công trình NCKH được coi là một phần (hoặc toàn bộ) khóa luận tốt nghiệp và nếu đạt giải sẽ được cộng điểm thưởng vào điểm trung bình chung học tập của năm học.

2. Đối với cán bộ

a) Mọi cán bộ giảng dạy đều có trách nhiệm hướng dẫn sinh viên NCKH và là nhiệm vụ được ghi trong kế hoạch giảng dạy hàng năm của khoa. Chủ nhiệm khoa ra quyết định giao nhiệm vụ cho cán bộ giảng dạy hướng dẫn sinh viên NCKH;

b) Mỗi công trình NCKH của sinh viên năm thứ 3 trở xuống được tính là một niên luận và mỗi công trình NCKH của sinh viên năm thứ 4 được tính là khóa luận tốt nghiệp. Cán bộ giảng dạy (CBGD) được tính giờ chuẩn theo quy định hiện hành;

c) Công trình NCKHSV được giải, CBGD hướng dẫn được khen thưởng và được tính thành tích thi đua hàng năm hoặc khi xét phong các danh hiệu.

3. Thủ trưởng các đơn vị đào tạo trực tiếp giao nhiệm vụ theo kế hoạch hàng năm cho các bộ phận thuộc đơn vị và chịu trách nhiệm trước Giám đốc ĐHQGHN về công tác NCKH của sinh viên.

Chương 11

KHEN THƯỞNG VÀ XỬ LÝ VI PHẠM

Điều 33. Khen thưởng thành tích hoạt động KHCN ở ĐHQGHN có các hình thức sau:

1. Giải thưởng ĐHQGHN;
2. Giải thưởng công trình khoa học tiêu biểu trong năm;
3. Giải thưởng công trình tiêu biểu của nhà khoa học trẻ;
4. Giải thưởng NCKHSV cấp ĐHQGHN;
5. Giải thưởng NCKHSV cấp trường (Khoa trực thuộc).

Điều 34. Quy trình xét các giải thưởng KHCVN tại các khoản 1,2,3, Điều 33 tiến hành theo Quy định về giải thưởng khoa học – công nghệ của ĐHQGHN.

Điều 35. Các giải thưởng tại các khoản 4,5, Điều 33 được đánh giá bởi các hội đồng do thủ trưởng cấp tương ứng ra quyết định thành lập, theo quy trình sau đây:

1. Hiệu trưởng (Chủ nhiệm Khoa trực thuộc) ra quyết định thành lập hội đồng chấm công trình NCKHSV cấp trường (Khoa trực thuộc), chọn ra những công trình xuất sắc xếp theo 4 mức: giải Nhất, giải Nhì, giải Ba và giải Khuyến khích. Căn cứ đánh giá (theo thang điểm 10) của hội đồng, thủ trưởng đơn vị ra quyết định tặng giải thưởng. Ngoài giải thưởng, thành tích NCKH còn được tính vào thành tích học tập của sinh viên quy định tại Quy chế Đào tạo.

2. Giám đốc ĐHQGHN ra quyết định thành lập hội đồng chấm công trình NCKHSV cấp ĐHQG, chọn ra những công trình xuất sắc xếp theo 4 mức: giải Nhất, giải Nhì, giải Ba và giải Khuyến khích. Sinh viên đạt giải được cộng điểm khi xét chuyển tiếp sinh. Căn cứ đánh giá của hội đồng, Giám đốc ĐHQGHN ra quyết định tặng giải thưởng. Riêng đối với giải Nhất, tác giả (hoặc tác giả chính) được giới thiệu để Quỹ Hỗ trợ sáng tạo kỹ thuật Việt Nam (VIFOTEC) xét tặng giải thưởng và đề nghị Bộ GD&ĐT ưu tiên xét cấp học bổng đi du học nước ngoài.

Điều 36. Những vi phạm chưa tới mức phải áp dụng các chế tài của Luật pháp, xử lý theo hình thức đề tài, dự án không hoàn thành nhiệm vụ.

1. Các đề tài sau đây được coi là không hoàn thành:

a) Đã quá hạn 6 tháng so với thời gian quy định (không tính thời gian được gia hạn) mà chưa nghiệm thu được;

b) Hội đồng nghiệm thu đánh giá ở mức "không đạt";

c) Vi phạm các quy định trong hướng dẫn hoặc không đủ khả năng tiếp tục thực hiện có quyết định đình chỉ thực hiện của cấp quản lý có thẩm quyền.

2. ĐHQGHN ra quyết định xử lý các đề tài không hoàn thành thuộc nhóm A và B. Thủ trưởng các đơn vị ra quyết định đối với đề tài cấp cơ sở.

3. Trong thời hạn 15 ngày sau khi ký văn bản xác định đề tài không hoàn thành, chủ nhiệm có trách nhiệm gửi báo cáo giải trình chi tiết toàn bộ quá trình thực hiện đề tài (có xác nhận của đơn vị thực hiện) lên đơn vị chủ trì và ĐHQGHN. Trong trường hợp bất khả kháng chủ nhiệm không thể báo cáo, thì phó chủ nhiệm đề tài hoặc thư ký đề tài có trách nhiệm báo cáo.

4. Kiểm tra xác định nguyên nhân dẫn đến việc không hoàn thành các đề tài nhóm A do ĐHQGHN phối hợp với đơn vị thực hiện; Nhóm B do đơn vị thực hiện theo ủy quyền của Giám đốc ĐHQGHN; Cấp cơ sở do đơn vị thực hiện. Trong trường hợp cần thiết có thể thành lập hội đồng thẩm định. Căn cứ kết quả đánh giá của hội đồng và kết quả xác minh, các cấp quản lý tương ứng ra quyết định thu hồi toàn bộ hoặc một phần kinh phí đã cấp theo các quy định hiện hành của Nhà nước.

5. Trong thời hạn 30 ngày làm việc từ ngày ký quyết định hoàn trả kinh phí, đơn vị chủ trì và chủ nhiệm có trách nhiệm nộp lại kinh phí cho cấp quản lý ngân sách tương ứng theo các quy định hiện hành.

6. Chủ nhiệm đề tài không hoàn thành nhiệm vụ sẽ không được bổ nhiệm làm chủ nhiệm các đề tài mới của ĐHQGHN trong vòng 36 tháng kể từ ngày hết thời hạn thực hiện hoặc ngày ký quyết định đình chỉ thực hiện đề tài không hoàn thành.

7. ĐHQGHN thông báo danh sách các chủ nhiệm đề tài, dự án nhóm A không hoàn thành tới các đơn vị trực thuộc.

8. Thủ trưởng đơn vị có trách nhiệm xử lý chủ nhiệm các đề tài, dự án không hoàn thành như cán bộ viên chức không hoàn thành nhiệm vụ theo các quy định hiện hành của Nhà nước và của ĐHQGHN.

Chương 12

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 37. Hiệu lực thi hành và tổ chức thực hiện

1. Hướng dẫn này thay thế cho các văn bản trước đây về các vấn đề có liên quan trong quản lý hoạt động khoa học và công nghệ ở ĐHQGHN;

2. Văn bản này có hiệu lực từ ngày ký ban hành;

3. Văn phòng, các Ban chức năng và các đơn vị thuộc ĐHQGHN có trách nhiệm thực hiện hướng dẫn này./.

**KT.GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

(Đã ký)

GS.TSKH. Vũ Minh Giang